**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : /2018/TT-NHNN *Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**THÔNG TƯ**

**Quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi**

**của tổ chức tài chính vi mô**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận**những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô như sau:*

**Chương I**

 **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

## . Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô.

2. Tổ chức tài chính vi mô phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Nhà nước) chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thay đổi một trong những nội dung sau đây:

a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;

b) Mức vốn điều lệ;

c) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

d) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn;

## . Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tài chính vi mô.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Thông tư này.

## . Lập hồ sơ

1. Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những thay đổi quy định tại Thông tư này do người đại diện hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô ký. Trường hợp ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những thay đổi quy định tại Thông tư này được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ bằng tiếng nước ngoài dịch sang tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam hoặc được công chứng theo quy định tại Luật Công chứng.

## . Trình tự chấp thuận thay đổi của tổ chức tài chính vi mô

1. Tổ chức tài chính vi mô gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này khi có nhu cầu thay đổi một trong những nội dung quy định tại Thông tư này.

2. Trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với những thay đổi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 1 Thông tư này; có văn bản chấp thuận thay đổi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư này; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ.

3. Khi được chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này, tổ chức tài chính vi mô phải:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận và đăng ký điều lệ đã sửa đổi, bổ sung tại Ngân hàng Nhà nước;

b) Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này;

c) Công bố nội dung thay đổi quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Thông tư này trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo in hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

**Chương II**

**HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHỮNG**

**THAY ĐỔI CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

**Mục 1**

**Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính; nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động và tạm ngừng hoạt động kinh doanh quá 01 ngày làm việc**

## . Thay đổi tên

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi tên, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Tên hiện tại;

(ii) Tên dự kiến thay đổi;

(iii) Lý do thay đổi;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi tên;

2. Thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của tổ chức tài chính vi mô.

## *.* Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Địa điểm hiện tại;

(ii) Địa điểm dự kiến chuyển đến;

(iii) Lý do thay đổi;

(iv) Kế hoạch chuyển trụ sở chính để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động và đáp ứng các điều kiện đối với trụ sở chính mới theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.

2. Thủ tục chấp thuận:

a) Trường hợp thay đổi địa điểm trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đang đặt trụ sở chính:

(i) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

(ii) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô;

b) Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đang đặt trụ sở chính:

(i) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

(ii) Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đề nghị được chuyển đến về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô;

 (iii) Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đề nghị được chuyển đến, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.

3. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi Giấy phép đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tài chính vi mô phải hoạt động tại địa điểm mới. Quá thời hạn trên, tổ chức tài chính vi mô không hoạt động theo địa điểm mới, quyết định của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi Giấy phép đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô hết hiệu lực.

4. Trong thời hạn 15 ngày trước ngày hoạt động tại địa điểm mới, tổ chức tài chính vi mô có văn bản báo cáo ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.

## *.* Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính do thay đổi địa giới quản lý hành chính, thay đổi tên, tầng tòa nhà đặt trụ sở chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính)

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi Giấy phép về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Địa chỉ hiện tại;

(ii) Địa chỉ đề nghị được thay đổi;

(iii) Lý do đề nghị;

b) Văn bản chứng minh hoặc xác nhận của cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi địa giới hành chính hoặc của tổ chức, cá nhân về việc thay đổi tên, tầng tòa nhà đặt trụ sở chính.

2. Trình tự chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.

## . Thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Nội dung, phạm vi hoạt động đề nghị chấp thuận;

(ii) Lý do và sự cần thiết thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động;

c) Phương án triển khai nội dung, phạm vi hoạt động, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Mô tả nội dung, quy trình thực hiện;

(ii) Phân tích hiệu quả và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro;

(iii) Kế hoạch triển khai thực hiện;

d) Dự thảo quy định nội bộ về quy trình triển khai nghiệp vụ đảm bảo quản lý và kiểm soát rủi ro phát sinh.

2. Trình tự chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi phạm vi, nội dung hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

## . Thay đổi thời hạn hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận việc thay đổi thời hạn hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Thời hạn hoạt động hiện tại;

(ii) Thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi;

(iii) Lý do thay đổi thời hạn hoạt động;

b) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động, trong đó nêu rõ:

(i) Đánh giá kết quả hoạt động trong 05 năm gần nhất;

(ii) Mục tiêu, kế hoạch kinh doanh cho 05 năm tiếp theo;

c) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi thời hạn hoạt động;

2. Trình tự chấp thuận:

a) Tối thiểu 180 ngày trước ngày kết thúc thời hạn hoạt động, tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính;

c) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị;

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tổng hợp ý kiến, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi thời hạn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

**Mục 2**

**Hồ sơ, thủ tục thay đổi mức vốn điều lệ**

## . Thay đổi vốn điều lệ từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng mức vốn điều lệ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Mức vốn điều lệ hiện tại;

(ii) Mức vốn điều lệ dự kiến tăng;

(iii) Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ;

(iv) Lý do và sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ;

(v) Phương án tăng vốn điều lệ và thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên chấp thuận tăng mức vốn điều lệ;

c) Quyết định của chủ sở hữu hoặc văn bản của thành viên góp vốn chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;

d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề năm nộp hồ sơ và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (Báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo năm chưa kiểm toán độc lập) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị tăng vốn điều lệ.

2. Trình tự chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

## . Thay đổi vốn điều lệ do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Các hồ sơ quy định tại điểm a, b và d khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Quyết định của chủ sở hữu hoặc văn bản của thành viên góp vốn chấp thuận tăng mức vốn điều lệ và cam kết cấp vốn hoặc góp thêm vốn theo phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

2. Trình tự chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

3. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày có văn bản chấp thuận tăng vốn điều lệ, chủ sở hữu và thành viên góp vốn phải tiến hành nộp tiền vào tài khoản phong tỏa mở tại Ngân hàng Nhà nước và gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) chứng từ chứng minh đã nộp tiền vào tài khoản phong tỏa. Trường hợp trong thời hạn nói trên, chủ sở hữu, thành viên góp vốn không tiến hành việc nộp tiền, văn bản chấp thuận thuận tăng vốn điều lệ của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực.

4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc nộp tiền vào tài khoản phong tỏa, tổ chức tài chính vi mô phải có văn bản đề nghị sửa đổi Giấy phép đối với nội dung vốn điều lệ gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị sửa đổi Giấy phép đối với nội dung vốn điều lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

6. Tổ chức tài chính vi mô được giải tỏa tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nhà nước kể từ ngày Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô có hiệu lực thi hành.

**Mục 3**

**Hồ sơ, thủ tục mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp**

**của thành viên góp vốn**

## *.* Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên góp vốn hiện tại

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó nêu rõ:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng;

(ii) Tỷ lệ mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(iii) Lý do mua bán, chuyển nhượng;

(iv) Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

c) Văn bản của thành viên góp vốn bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn dùng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp;

d) Văn bản thỏa thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn bên bán, bên chuyển nhượng và thành viên góp vốn bên mua, bên nhận chuyển nhượng;

2. Trình tự chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận mua bán, việc chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô.

3. Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn trên, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không thực hiện việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực.

Sau khi hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô phải gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) văn bản báo cáo và tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng, danh sách và tỷ lệ góp vốn của thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng.

## . Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới (bên mua, bên nhận chuyển nhượng)

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Các hồ sơ quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 12 Thông tư này;

b) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của thành viên góp vốn mới (bên mua, bên nhận chuyển nhượng) ký, trong đó chứng minh về khả năng tài chính và cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn dùng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp;

c) Văn bản thỏa thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới;

d) Các văn bản, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện về thành viên góp vốn và tỷ lệ sở hữu vốn góp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, gồm:

(i) Hồ sơ thành viên góp vốn mới là tổ chức:

- Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương;

- Điều lệ của tổ chức;

- Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô sau khi trở thành thành viên góp vốn mới;

- Văn bản cử người đại diện vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

- Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 Thông tư này, lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô;

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề năm nộp hồ sơ và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (Báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo năm chưa kiểm toán độc lập) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị nhận chuyển nhượng phần vốn góp;

- Bản kê khai người có liên quan của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 Thông tư này;

(ii) Hồ sơ thành viên góp vốn mới là cá nhân:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 Thông tư này, lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

- Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô sau khi trở thành thành viên góp vốn mới;

- Bản kê khai người có liên quan của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 Thông tư này.

2. Trình tự chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô.

3. Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn trên, nếu các bên tham gia chuyển nhượng không thực hiện việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực.

Sau khi hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô phải gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) văn bản báo cáo và tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng, danh sách và tỷ lệ góp vốn của thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng.

**Chương III**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

## . Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đầu mối tiếp nhận, thẩm định, lấy ý kiến các đơn vị liên quan, tổng hợp và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư này.

## . Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

1. Tiếp nhận báo cáo của tổ chức tài chính vi mô về ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm đặt trụ sở chính mới và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở chính theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia ý kiến theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đối với các nội dung theo quy định tại Thông tư này.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

## . Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ......../......../2018.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các khoản 57, 58 và 59 Thông tư số 02/2008/TT-NHNN ngày 02/4/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam và Nghị định số 165/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam hết hiệu lực thi hành.

## . Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

|  |
| --- |
| ***Nơi nhận:* THỐNG ĐỐC**- Như Điều 17;- Ban Lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Website NHNN;- Lưu: VP, Vụ PC, CQTTGSNH. |

**PHỤ LỤC 01**

**MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI***(Ban hành kèm theo Thông tư số …………/2018/TT-NHNN ngày ……/……./……..)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

|  |  |
| --- | --- |
|  1. Thông tin cá nhân- Họ và tên- Ngày tháng năm sinh- Nơi sinh | Ảnh hộ chiếu (4x6) |

- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)

- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

- Nơi ở hiện nay:

- Số chứng minh thư, nơi cấp, ngày cấp chứng minh hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mối quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tài chính vi mô):

Kê khai mối quan hệ với người có liên quan.

6. Tôi,…………………. xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của cấp có thẩm quyền của đơn vị công tác hoặc chính quyền nơi cư trú** | *…, ngày … tháng … năm….***Người khai**(Ký và ghi rõ họ và tên) |

**PHỤ LỤC 02**

**BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN***(Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2018/TT-NHNN ngày.........của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------------**

**BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

**1. Thông tin người kê khai**

**2. Người có liên quan**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Người có liên quan** | **Mối quan hệ với người khai** | **Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng** | **Tỷ lệ góp vốn điều lệ thành lập tổ chức tài chính vi mô** |
| **Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng** | **Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 | Nguyễn Văn A | Người khai |   |   |   |
| 2 | Nguyễn Thị B |   |   |   |   |
| 3 | Công ty X |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |
| Tổng cộng |   |   |   | % (chi tiết từng tổ chức tín dụng) |   |

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **Người khai (7)***(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU**

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của thành viên góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Họ và tên;

- Tên thường gọi;

- Ngày, tháng, năm sinh;

- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú;

- Địa chỉ cư trú hiện nay;

- Số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp;

- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị thành lập.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;

- Địa chỉ;

- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.2. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.3. Cột (5): Ghi cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tại thời điểm đăng ký tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô.

2.4. Cột (6): Ghi cụ thể tỷ lệ vốn góp đăng ký, tham gia góp để thành lập tổ chức tài chính vi mô.

2.5. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

**PHỤ LỤC 03**

**MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA CÁ NHÂN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ……./2018/TT-NHNN ngày ……./……./2018)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

**BẢNG KÊ KHAI TÀI SẢN**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Họ và tên Người kê khai tài sản: ……………………

- Ngày tháng năm sinh: ………………………………………….

- Chứng minh nhân dân số: …………. Ngày cấp: …/…/… Nơi cấp:

- Cơ quan/đơn vị công tác hoặc nơi làm việc: ……………………..

- Hộ khẩu thường trú: …………………………………………………

- Chỗ ở hiện tại: ………………………………………………………..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Loại tài sản*** | ***Thông tin mô tả về tài sản*** |
|   | Nhà, công trình xây dựng | - Số lượng: ………..cái1.1. Nhà thứ nhất:+ Loại nhà:………..+ Diện tích đất: ……………m2+ Diện tích đất xây dựng: ……m2+ Diện tích sử dụng: …………m2+ Địa chỉ:……………………………………(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật)+ Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:………………..1.2. Nhà thứ hai:+ Loại nhà:………..+ Diện tích đất: ……………m2+ Diện tích đất xây dựng: ……m2+ Diện tích sử dụng: …………m2+ Địa chỉ:……………………………………(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật)+ Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:………………..1.3. Nhà thứ …: |
|   | Quyền sử dụng đất | - Số lượng: ……thửa2.1. Thửa thứ nhất:+ Loại đất:………..+ Diện tích:………..m2+ Địa chỉ:………………(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật)+ Trị giá thửa đất theo giá thị trường: ……..2.2. Thửa thứ hai:+ Loại đất:………..+ Diện tích:………..m2+ Địa chỉ:………………(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật)+ Trị giá thửa đất theo giá thị trường: ……..2.3. Thửa thứ: …..; |
|   | Tài sản ở nước ngoài | - Động sản:(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)+ Tên: ………………………………+ Số lượng: ……………+ Trị giá theo giá thị trường: ………….- Bất động sản: …………………………(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)+ Tên: …………………..+ Địa chỉ: ……………….+ Trị giá theo giá thị trường: ………………. |
|   | Tài khoản ở nước ngoài | (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)- Ngân hàng mở tài khoản:……….- Số dư tài khoản vào thời điểm kê khai:……. |
|   | Mô tô, ô tô, tàu, thuyền có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên | (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy đăng ký của cơ quan chức năng)- Chủng loại, nhãn hiệu: …………- Số lượng: ………………..- Tổng giá trị theo giá thị trường: ……………… |
|   | Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên | (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan nếu có)- Tổng giá trị ước tính: …………… |
| Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên | Tiền mặt:Tổng giá trị:……………….. |
| Tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng (tài khoản, sổ tiết kiệm, sổ tín dụng…):(Đính kèm bản sao có chứng thực của ngân hàng)Tổng giá trị:………Cổ phiếu:(Đính kèm bản sao có chứng thực của công ty phát hành hoặc công ty chứng khoán)Tổng giá trị theo mệnh giá…………Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC): ………. |
| Trái phiếu:(Đính kèm bản sao có chứng thực của cơ quan phát hành hoặc công ty chứng khoán)Tổng giá trị theo mệnh giá…………Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):………… |
| Các công cụ chuyển nhượng khác:Tổng giá trị theo mệnh giá…………Tổng giá trị theo giá thị trường:…………. |
|   | Tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên | (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)- Tên:…- Số lượng: …- Tổng giá trị ước tính: …………. |

Tôi cam kết Bản tự kê khai tài sản trên đây là trung thực, đầy đủ. Nếu khai man, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|    | *….., ngày … tháng … năm …***NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**(Ký, ghi rõ họ tên) |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU**

1. Đối với phần kê khai về nhà, công trình xây dựng khác:

- Không phải kê khai nhà công vụ;

- Nhà, công trình xây dựng phải kê khai gồm: nhà ở, nhà xưởng, nhà hàng, câu lạc bộ, các công trình xây dựng khác….

- Nhà, công trình xây dựng tiếp theo (nếu có) thì kê khai như nhà, công trình xây dựng thứ nhất, thứ hai.

2. Đối với phần kê khai 5, 6, 7, 8:

Chỉ kê khai nếu tổng giá trị của mỗi loại tài sản từ 100 triệu đồng trở lên. Ví dụ: có 3 xe máy, nếu tổng giá trị của 3 xe máy từ 100 triệu đồng trở lên thì phải kê khai, nếu tổng giá trị của 3 xe máy dưới 100 triệu đồng thì không phải kê khai.

3. Đối với tài sản chung theo phần:

Kê khai rõ được phần thuộc sở hữu của người kê khai, giá trị ước tính của phần tài sản đó.